

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ LỢI 2



THỐNG KÊ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
(GIỮA KÌ II)



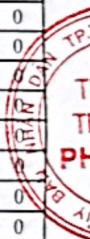
NĂM HỌC 2024-2025

THÔNG KÊ SĨ SỐ HỌC SINH GIỮA HỌC KÌ II

Tên lớp	SL	SL Nữ	Tỉ lệ(%)	Dân Tộc	Tỉ lệ(%)	Nữ Dân tộc	Tỉ lệ(%)	Ghi chú
1/1	38	21	55.26	0	0.00	0	0.00	GVCN: Huỳnh Thị Ngọc Nga
1/2	38	17	44.74	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hoàng Thị Thiết
1/3	37	20	54.05	1	2.70	1	2.70	GVCN: Phan Thị Tình
1/4	37	18	48.65	2	5.41	1	2.70	GVCN: Hồ Thị Mai Nga
1/5	36	17	47.22	1	2.78	0	0.00	GVCN: Hà Thị Tuyết Trinh
1/6	37	19	51.35	2	5.41	0	0.00	GVCN: Lê Thị Việt
1/7	36	19	52.78	1	2.78	1	2.78	GVCN: Huỳnh Tuyết Mai
Tổng Cộng Khối 1	259	131	50.58	7	2.70	3	1.16	
2/1	33	17	51.52	2	6.06	1	3.03	GVCN: Phan Thị Quỳnh Nga
2/2	33	18	54.55	2	6.06	2	6.06	GVCN: Bùi Thủy Hân
2/3	30	16	53.33	2	6.67	1	3.33	GVCN: Nguyễn Thị Tình
2/4	40	17	42.50	1	2.50	1	2.50	GVCN: Đặng Thị Ngọc Minh
2/5	37	20	54.05	1	2.70	1	2.70	GVCN: Nguyễn Thị Dung
2/6	40	18	45.00	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tuyết Hoa
2/7	39	19	48.72	1	2.56	0	0.00	GVCN: Trương Thị Mỹ Kiều
Tổng Cộng Khối 2	252	125	49.60	9	3.57	6	2.38	
3/1	39	18	46.15	1	2.56	0	0.00	GVCN: Trần Thị Thu Cúc
3/2	39	19	48.72	1	2.56	0	0.00	GVCN: Phạm Thị Thu Hà
3/3	38	20	52.63	2	5.26	1	2.63	GVCN: Nguyễn Thị Kim Liên
3/4	38	18	47.37	4	10.53	3	7.89	GVCN: Lương Ái Vy
3/5	38	18	47.37	0	0.00	0	0.00	GVCN: Giang Thị Liên
3/6	40	20	50.00	1	2.50	0	0.00	GVCN: Lê Thị Hường
Tổng Cộng Khối 3	232	113	48.71	9	3.88	4	1.72	
4/1	36	18	50.00	6	16.67	4	11.11	GVCN: Nguyễn Thị Hiền
4/2	36	21	58.33	0	0.00	0	0.00	GVCN: Hoàng Thị Kim Hoa
4/3	36	19	52.78	1	2.78	0	0.00	GVCN: Trần Xuân Thìn
4/4	36	16	44.44	2	5.56	1	2.78	GVCN: Phạm Thị Thu Huyền
4/5	36	18	50.00	1	2.78	0	0.00	GVCN: Lê Thị Ngọc Ánh
4/6	35	19	54.29	0	0.00	0	0.00	GVCN: Lê Thị Thảo
4/7	34	19	55.88	2	5.88	1	2.94	GVCN: Đặng Thị Hồng Nhung
Tổng Cộng Khối 4	249	130	52.21	12	4.82	6	2.41	
5/1	38	21	55.26	1	2.63	1	2.63	GVCN: Lê Thị Hào
5/2	36	16	44.44	1	2.78	0	0.00	GVCN: Nguyễn Huỳnh Ái Phương
5/3	35	15	42.86	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Tiên
5/4	36	16	44.44	0	0.00	0	0.00	GVCN: Nguyễn Thị Ngọc Thúy
5/5	36	18	50.00	4	11.11	3	8.33	GVCN: Nguyễn Thị Mai
5/6	37	20	54.05	1	2.70	0	0.00	GVCN: Chu Thị Hà Phương
Tổng Cộng Khối 5	218	106	48.62	7	3.21	4	1.83	
Tổng Cộng Toàn Trường	1210	605	50.00	44	3.64	23	1.90	

THÔNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC
GIỮA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024-2025

	Tổng số học sinh	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5							
		Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số					Tổng số	Trong tổng số						
			Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		
I. Kết quả học tập																																	
1. Tiếng Việt	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0		
Hoàn thành tốt	680	154	92	2	2	0	0	132	75	3	3	0	0	122	64	2	1	0	0	125	86	7	5	0	0	147	86	4	3	0	0		
Hoàn thành	513	98	36	5	1	0	0	116	48	6	3	0	2	107	48	6	3	0	0	121	44	5	1	0	0	71	20	3	1	0	0		
Chưa hoàn thành	17	7	3	1	1	0	0	4	2	0	0	0	0	3	1	1	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
2. Toán	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0		
Hoàn thành tốt	688	172	98	3	2	0	0	139	77	5	4	0	0	106	52	2	1	0	0	131	80	6	4	0	0	140	78	3	3	0	0		
Hoàn thành	505	81	30	4	1	0	0	110	47	4	2	0	2	123	60	6	3	0	0	113	49	6	2	0	0	78	28	4	1	0	0		
Chưa hoàn thành	17	6	3	1	1	0	0	3	1	0	0	0	0	3	1	1	0	0	0	5	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3. Khoa học	467	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0		
Hoàn thành tốt	338																			165	97	8	6	0	0	173	94	6	4	0	0		
Hoàn thành	129																			84	33	4	0	0	0	45	12	1	0	0	0		
Chưa hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
4. Lịch sử và Địa lí	467	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0		
Hoàn thành tốt	321																			150	88	7	5	0	0	171	95	6	4	0	0		
Hoàn thành	146																			99	42	5	1	0	0	47	11	1	0	0	0		
Chưa hoàn thành	0																			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5. Ngoại ngữ 1	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0		
Hoàn thành tốt	304													113	58	3	3	0	0	103	70	5	3	0	0	88	49	1	1	0	0		
Hoàn thành	390													117	55	6	1	0	0	146	60	7	3	0	0	127	55	6	3	0	0		
Chưa hoàn thành	5													2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	2	0	0	0	0		
6. Ngoại ngữ 1	511	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	205	109	64	2	2	0	0	96	51	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	301	147	66	6	2	0	0	154	74	8	5	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	5	3	1	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7. Tin học và Công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8. Đạo đức	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0	
Hoàn thành tốt	870	170	99	4	3	0	0	164	94	5	4	0	0	165	83	4	2	0	0	190	113	8	5	0	0	181	97	6	4	0	0	0	
Hoàn thành	340	89	32	4	1	0	0	88	31	4	2	0	2	67	30	5	2	0	0	59	17	4	1	0	0	37	9	1	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9. Tự nhiên và Xã hội	743	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hoàn thành tốt	474	168	98	5	3	0	0	150	87	5	4	0	0	156	77	4	2	0	0														
Hoàn thành	269	91	33	3	1	0	0	102	38	4	2	0	2	76	36	5	2	0	0														
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0														



10. Âm nhạc	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	562	120	84	3	2	0	0	127	67	3	2	0	1	94	54	2	2	0	0	111	73	7	5	0	0	110	61	2	2	0
Hoàn thành	648	139	47	5	2	0	0	125	58	6	4	0	1	138	59	7	2	0	0	138	57	5	1	0	0	108	45	5	2	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11. Mĩ thuật	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	504	108	74	3	2	0	0	114	78	6	5	0	2	89	62	2	2	0	0	76	64	2	2	0	0	117	80	4	4	0
Hoàn thành	706	151	57	5	2	0	0	138	47	3	1	0	0	143	51	7	2	0	0	173	66	10	4	0	0	101	26	3	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12. Thủ công, Kỹ thuật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành tốt	0																		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Hoàn thành	0																		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Chưa hoàn thành	0																		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	357													87	46	1	1	0	0	132	83	6	4	0	0	138	71	4	3	0
Hoàn thành	342													145	67	8	3	0	0	117	47	6	2	0	0	80	35	3	1	0
Chưa hoàn thành	0													0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14. Tin học và Công nghệ (Tin học)	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	319													80	41	0	0	0	0	106	72	4	3	0	0	133	73	4	3	0
Hoàn thành	380													152	72	9	4	0	0	143	58	8	3	0	0	85	33	3	1	0
Chưa hoàn thành	0													0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15. Giáo dục thể chất	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	854	216	113	5	3	0	0	170	104	7	6	0	0	232	113	9	4	0	0	104	65	6	4	0	0	132	79	5	3	0
Hoàn thành	356	43	18	3	1	0	0	82	21	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	145	65	6	2	0	0	86	27	2	1	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16. Hoạt động trải nghiệm	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Hoàn thành tốt	822	175	99	5	3	0	0	161	88	5	4	0	0	164	82	4	2	0	0	157	93	7	5	0	0	165	93	5	4	0
Hoàn thành	388	84	32	3	1	0	0	91	37	4	2	0	2	68	31	5	2	0	0	92	37	5	1	0	0	53	13	2	0	0
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
II. Năng lực cốt lõi																														
1. Tự chủ và tự học	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	852	158	94	2	2	0	0	173	99	6	5	0	0	165	82	3	2	0	0	166	101	6	4	0	0	190	99	6	4	0
Đạt	357	101	37	6	2	0	0	79	26	3	1	0	2	66	31	5	2	0	0	83	29	6	2	0	0	28	7	1	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	866	158	94	2	2	0	0	178	100	5	4	0	0	168	83	3	2	0	0	170	103	7	5	0	0	192	100	6	4	0
Đạt	343	101	37	6	2	0	0	74	25	4	2	0	2	63	30	5	2	0	0	79	27	5	1	0	0	26	6	1	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. GQVĐ và sáng tạo	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	836	157	93	2	2	0	0	165	92	5	4	0	0	165	82	3	2	0	0	159	97	6	4	0	0	190	100	6	4	0
Đạt	373	102	38	6	2	0	0	87	33	4	2	0	2	66	31	5	2	0	0	90	33	6	2	0	0	28	6	1	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4. Ngôn ngữ	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	858	163	96	2	2	0	0	171	93	5	3	0	0	170	85	3	2	0	0	164	103	8	6	0	0	190	100	6	4	0
Đạt	350	96	35	6	2	0	0	81	32	4	3	0	2	61	28	5	2	0	0	84	27	4	0	0	0	28	6	1	0	0
Cần cố gắng	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. Tính toán	1210	259	131	8	4	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0
Tốt	830	163	95	3	2	0	0	157	89	5	4	0	0	166	83	3	2	0	0	162	91	6	4	0	0	182	99	6	4	0

Đạt	378	96	36	5	2	0	0	0	95	36	4	2	0	2	65	30	5	2	0	0	86	39	6	2	0	0	36	7	1	0	0	0	0
Cần cố gắng	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6. Khoa học	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	855	158	95	2	2	0	0	0	160	92	4	3	0	0	175	87	4	2	0	0	171	100	7	5	0	0	191	100	6	4	0	0	0
Đạt	354	101	36	6	2	0	0	0	92	33	5	3	0	2	56	26	4	2	0	0	78	30	5	1	0	0	27	6	1	0	0	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7. Công nghệ	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	516	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	164	83	3	2	0	0	164	97	5	4	0	0	188	99	6	4	0	0	0
Đạt	182	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	67	30	5	2	0	0	85	33	7	2	0	0	30	7	1	0	0	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. Tin học	699	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	516	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	170	86	3	2	0	0	157	95	5	4	0	0	189	99	6	4	0	0	0
Đạt	182	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	61	27	5	2	0	0	92	35	7	2	0	0	29	7	1	0	0	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. Thẩm mỹ	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	841	152	93	2	2	0	0	0	165	95	4	3	0	0	175	87	4	2	0	0	154	99	6	4	0	0	195	100	6	4	0	0	0
Đạt	368	107	38	6	2	0	0	0	87	30	5	3	0	2	56	26	4	2	0	0	95	31	6	2	0	0	23	6	1	0	0	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10. Thể chất	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	928	170	99	3	2	0	0	0	191	107	6	5	0	1	184	90	4	2	0	0	182	108	8	6	0	0	201	101	6	4	0	0	0
Đạt	281	89	32	5	2	0	0	0	61	18	3	1	0	1	47	23	4	2	0	0	67	22	4	0	0	0	17	5	1	0	0	0	0
Cần cố gắng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III. Phẩm chất chủ yếu																																	
1. Yêu nước	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	1079	184	105	3	2	0	0	0	216	116	7	5	0	1	229	110	8	3	0	0	234	128	11	6	0	0	216	106	7	4	0	0	0
Đạt	131	75	26	5	2	0	0	0	36	9	2	1	0	1	3	3	1	1	0	0	15	2	1	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2. Nhân ái	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	1067	182	106	2	2	0	0	0	216	116	7	5	0	1	228	109	8	3	0	0	229	127	11	6	0	0	212	105	7	4	0	0	0
Đạt	143	77	25	6	2	0	0	0	36	9	2	1	0	1	4	4	1	1	0	0	20	3	1	0	0	0	6	1	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3. Chăm chỉ	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	943	169	100	2	2	0	0	0	190	107	5	4	0	0	191	96	6	3	0	0	183	113	8	4	0	0	210	104	7	4	0	0	0
Đạt	267	90	31	6	2	0	0	0	62	18	4	2	0	2	41	17	3	1	0	0	66	17	4	2	0	0	8	2	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	1001	171	101	2	2	0	0	0	209	116	6	5	0	0	219	108	7	3	0	0	192	116	8	5	0	0	210	103	7	4	0	0	0
Đạt	209	88	30	6	2	0	0	0	43	9	3	1	0	2	13	5	2	1	0	0	57	14	4	1	0	0	8	3	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	1210	259	131	8	4	0	0	0	252	125	9	6	0	2	232	113	9	4	0	0	249	130	12	6	0	0	218	106	7	4	0	0	0
Tốt	960	170	100	2	2	0	0	0	198	111	6	5	0	0	192	97	6	3	0	0	190	114	8	5	0	0	210	103	7	4	0	0	0
Đạt	250	89	31	6	2	0	0	0	54	14	3	1	0	2	40	16	3	1	0	0	59	16	4	1	0	0	8	3	0	0	0	0	0
Cần cố gắng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
IV. Đánh giá KQHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Hoàn thành xuất sắc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Hoàn thành tốt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
V. Khen thưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giấy khen cấp trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

